

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy điện gió Lạc Hòa - giai đoạn 1 - Hạng mục: Đường dẫn vận chuyển thiết bị, đường dẫn nội bộ kết nối các tua bin và đường dây 22 kV

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là hệ số) và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy điện gió Lạc Hòa - giai đoạn 1 - Hạng mục: Đường dẫn vận chuyển thiết bị, đường dẫn nội bộ kết nối các tua bin và đường dây 22 kV, cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích thu hồi

a) Vị trí thu hồi đất: Trên địa bàn xã Lạc Hòa và Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

b) Diện tích đất dự kiến thu hồi: Khoảng 2,71 ha; trong đó, khoảng 1,96 ha tại xã Lạc Hòa và khoảng 0,75 ha tại Phường 2.

2. Loại đất, giá đất cụ thể và hệ số

## a) Đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn

Stt	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số
		Từ	Đến		
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu</b>				
1	Quốc lộ Nam sông Hậu	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		1.323.000	1,323
2	Lộ đal, lộ đá, lộ đất trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		261.000	1,044
3	Đất ở còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		150.000	1,000
<b>II</b>	<b>Đất ở tại đô thị trên địa bàn Phường 2, thị xã Vĩnh Châu</b>				
1	Lộ đal, lộ đá, lộ đất trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		300.000	1,200
2	Đất ở còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		241.000	1,205
<b>III</b>	<p>* Giá đất ở tại Mục I và Mục II nêu trên (trừ vị trí đất ở còn lại trên địa bàn xã, phường) áp dụng đối với các thửa đất có vị trí tiếp giáp các tuyến lộ giao thông trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới; đối với các vị trí thâm hậu trên 30 mét, giá đất ở được tính như sau:</p> <p>- Giá đất ở tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới được tính bằng 50% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 241.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất ở tại đô thị và không thấp hơn 150.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất ở tại nông thôn.</p> <p>- Giá đất ở tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 70 trở lên tính từ mép lộ giới được tính bằng 25% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 241.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất ở tại đô thị và không thấp hơn 150.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất ở tại nông thôn.</p> <p>* Giá đất ở đối với các thửa đất tiếp giáp 02 mặt tiền đường được xác định là giá đất ở tính theo tuyến đường có mức giá cao hơn và nhân với hệ số 1,2 (trừ trường hợp thửa đất giáp hẻm).</p>				

## b) Đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở)

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được xác định trên cơ sở giá đất ở (giá đất cụ thể) cùng khu vực, tuyến đường, vị trí nhân với tỷ lệ phần trăm (%) được quy định theo từng loại đất tại Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024.

## c) Đất nông nghiệp

Stt	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số
		Từ	Đến		
<b>I Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu</b>					
1	Quốc lộ Nam sông Hậu (trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới và diện tích đất trong hành lang lộ giới)	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		432.000	2,88
	Quốc lộ Nam sông Hậu (trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới)			216.000	2,88
2	Lộ đal, lộ đá, lộ đất (trong phạm vi thâm hậu 70 mét tính từ mép lộ) và đất nông nghiệp thuộc khu vực quy hoạch được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		58.800	1,307
3	Đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		58.500	1,307
4	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối còn lại trên địa bàn xã	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		52.100	1,303
<b>II Phường 2, thị xã Vĩnh Châu</b>					
1	Lộ đal, lộ đá, lộ đất (trong phạm vi thâm hậu 70 mét tính từ mép lộ) và đất nông nghiệp thuộc khu vực quy hoạch được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		80.000	1,333
2	Đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		61.000	1,356

Stt	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số
		Từ	Đến		
3	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối còn lại trên địa bàn phường	Trong phạm vi thu hồi đất của dự án		54.000	1,350

**Điều 2.** Căn cứ hệ số và giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có trách nhiệm phối hợp Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Vĩnh Châu - TDC triển khai các thủ tục tiếp theo để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT TXVC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hiếu**